

| STT | ID | Tên báo cáo | Tác giả |
|-----|-----|---|---|
| 1 | 71 | A model of monitoring and control SCADA system based on cloud computing platform | Phạm Ngọc Minh, Nguyễn Tiến Phương, Thái Quang Vinh |
| 2 | 77 | An application of the fuzzy electre method for recruiting lecturer: A case study at International University - Vietnam National University Ho Chi Minh city – Vietnam | Đỗ Vĩnh Trúc |
| 3 | 101 | An toàn dữ liệu trong kiến trúc điện toán đám mây dựa thuật toán Diffie Hellman và mật mã đường cong Elliptical | Hồ Văn Hương, Lê Thị Thanh Lưu |
| 4 | 36 | ATTs-DF: Giải pháp theo dõi thích nghi với mục tiêu trong tổng hợp dữ liệu nhiều cảm biến không dây | Dương Viết Huy, Nguyễn Đình Việt |
| 5 | 116 | Bài Toán Phân Tích Rủi Ro | Đoàn Huấn, Nguyễn Đình Thuận |
| 6 | 105 | Biểu Diễn Mô Hình Cơ Sở Dữ Liệu Hướng Đối Tượng Có Yếu Tố Thời Gian Bằng Logic Mô Tả | Nguyễn Viết Chánh |
| 7 | 70 | BITMFI: An Efficient Mining Algorithm by Bit Vector Table for Maximal Frequent Itemsets | Phan Thành Huấn |
| 8 | 122 | Các kỹ thuật hình thức kiểm chứng giao thức bảo mật trong mô hình biểu trưng | Nguyễn Ngọc Cương |
| 9 | 37 | Cách tiếp cận kiểm chứng hình thức cho giao thức bảo mật | Bùi Thị Thư, Nguyễn Trường Thắng, Trần Mạnh Đông, Nguyễn Thị Ánh Phương |
| 10 | 68 | Cải thiện hiệu quả phân lớp dữ liệu mất cân bằng dựa trên phương pháp PLS_SMOTE | Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Thị Anh Nga, Nguyễn Thị Hồng, Đặng Xuân Thọ |
| 11 | 33 | Cải tiến chất lượng hệ thống dây chuyền máy cắt bao bì trong công nghiệp | Nguyễn Hà Phương, Phạm Ngọc Minh, Nguyễn Đăng Chung, Vũ Chấn Hưng, Đỗ Anh Tuấn, Nguyễn Thành Long |
| 12 | 84 | CAIM+: Thuật toán hữu hiệu nhằm rời rạc hóa thuộc tính chứa giá trị liên tục | Đỗ Thị Bích Lệ, Nguyễn Tiến Đạt |
| 13 | 25 | Chữ ký số tập thể - Mô hình và thuật toán | Lưu Hồng Dũng, Nguyễn Đức Thụy |
| 14 | 96 | Chuyển đổi lược đồ cơ sở dữ liệu SQL Server sang MongoDB | Nguyễn Đình Thuận, Nguyễn Hữu Lộc |
| 15 | 124 | Cơ sở lý thuyết và ứng dụng của phương pháp qui nạp trong đảm bảo giao thức bảo mật thông tin | Nguyễn Ngọc Cương, Nguyễn Trường Thắng |
| 16 | 27 | Đánh giá các thuật toán trừ nền với video tổng hợp và video thực tế giao thông Việt Nam | Nguyễn Văn Căn, Đoàn Ngọc Tú |
| 17 | 78 | Đánh giá hiệu năng bảo mật lớp vật lý trong mạng không dây có sử dụng nhiễu giả | Trương Tiến Vũ, Hoàng Thái Hòa, Trần Bàn Thạch |
| 18 | 9 | Đánh giá hiệu năng của giao thức định tuyến aodv dưới tác động của tấn công ngập lụt và lỗ đen | Trần Vũ Thái Bình, Lê Vũ, Võ Thanh Tú |
| 19 | 14 | Đề xuất mô hình nhận dạng và truy xuất đối tượng cho hệ thống quảng cáo tự động tùy biến theo khách hàng trong ngữ cảnh thời gian thực | Lê Nguyễn Bảo, Lê Văn Chung, Nguyễn Gia Như, Lê Đắc Như, Đỗ Năng Toàn |
| 20 | 86 | Đề xuất một số loại phương thức cho lớp trong cơ sở dữ liệu hướng đối tượng | Phạm Thị Xuân Lộc |

| STT | ID | Tên báo cáo | Tác giả |
|-----|-----|---|---|
| 21 | 127 | Detecting Android Malware by a Machine Learning Approach | Nguyễn Việt Đức, Phạm Thanh Giang |
| 22 | 92 | Độ Thuộc Thành Viên Trong Cơ Sở Dữ Liệu Hướng Đối Tượng Mở Theo Tiếp Cận Đại Số Gia Từ | Đoàn Văn Thắng, Đặng Công Quốc, Trương Quang Mạnh, Nguyễn Xuân Nhựt |
| 23 | 117 | Entropy và ngưỡng an toàn trong lưu trữ và truyền thông tin | Lê Phê Đô, Trần Văn Mạnh, Trần Mai Lệ, Vương Thị Mỹ, Trần Xuân Phương, Nguyễn Thế Thảo, Lê Văn Ban, Trần Văn Hoàn |
| 24 | 19 | Giải pháp tìm kiếm thông tin dựa trên Semantic Web | Tào Ngọc Biên, Đoàn Văn Ban, Phan Thế Quế |
| 25 | 93 | Giải pháp xây dựng kho nhật ký ứng dụng tập trung sử dụng cơ sở dữ liệu NoSQL | Lê Huỳnh Quốc Bảo, Ngô Bá Hùng |
| 26 | 10 | Giải thuật đàn ong nhân tạo cho bài toán lập lịch các công việc độc lập trong lưới tính toán | Đỗ Vĩnh Trúc |
| 27 | 29 | Hệ thống tra cứu thông tin dự báo thời tiết qua mạng điện thoại | Trần Khải Thiện, Nguyễn Phương Nam, Đỗ Hoàng Thiên Ân, Phạm Đức Thành |
| 28 | 57 | Hệ Tư Vấn Dựa Trên Khuynh Hướng Biến Thiên Hàm Ý Thống Kê | Phan Quốc Nghĩa, Huỳnh Xuân Hiệp |
| 29 | 108 | Hiệu chỉnh bài toán bù tổng quát và bài toán cực trị với ràng buộc là bài toán trên | Nguyễn Bường, Nguyễn Thị Thúy Hoa |
| 30 | 128 | Hướng đến chợ ứng dụng cho hạ tầng đa đám mây | Huỳnh Hoàng Long, Lê Trọng Vĩnh and Nguyễn Hữu Đức |
| 31 | 91 | Kết quả xây dựng thư viện số QH2015 giải phương trình vi phân. | Vũ Vinh Quang, Trương Hà Hải |
| 32 | 45 | Khai phá đồ thị con phổ biến trên mô hình MapReduce | Nguyễn Hữu Hải |
| 33 | 15 | Khai thác thông tin phân đoạn ảnh cải thiện hệ thống tra cứu ảnh sử dụng phương pháp SIMPLE | Lê Hải Sơn |
| 34 | 82 | Lược đồ thủy văn đảm bảo sự toàn vẹn cho cơ sở dữ liệu quan hệ có các thuộc tính văn bản | Lưu Thị Bích Hương, Bùi Thế Hồng, Phạm Xuân Kiều |
| 35 | 114 | Mạng nơron phân cụm mờ min-max với cấu trúc tăng trưởng | Lê Anh Tú, Vũ Đình Minh |
| 36 | 13 | Mô hình hỗ trợ tư vấn xét tốt nghiệp bậc đại học | Mai Thúy Nga, Vũ Thị Trà |
| 37 | 49 | Mô hình hóa hệ thống mờ có tôpô thay đổi | Phạm Văn Việt, Lê Quang Hùng |
| 38 | 90 | Mô hình Markov-Chuỗi thời gian mờ trong dự báo chứng khoán | Đào Xuân Kỳ, Lục Trí Tuyên, Phạm Quốc Vương, Nguyễn Thị Lê Thu |
| 39 | 120 | Mô hình tiên đề cho tích hợp tri thức bằng đàm phán | Nguyễn Thị Hồng Khánh, Hà Quang Thụy, Trần Trọng Hiếu |
| 40 | 18 | Mô Phỏng Quá Trình Ngập Địa Hình Với Sự Tác Động Của Thủy Triều Và Lượng Mưa Tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long | Hoàng Ngọc Hiến, Huỳnh Xuân Hiệp |

| STT | ID | Tên báo cáo | Tác giả |
|-----|-----|---|---|
| 41 | 56 | Một cải tiến cho việc phát hiện xâm nhập mạng dựa trên mạng nơ-ron | Phạm Văn Hạnh, Lê Ngọc Thế, Trần Thị Hương, Vũ Tất Thắng, Lê Trọng Vĩnh |
| 42 | 75 | Một giải pháp hỗ trợ quảng bá thông qua dự đoán ảnh hưởng của những người dùng tiềm năng trên mạng xã hội | Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Thái Nghe |
| 43 | 85 | Một giải pháp nâng cao hiệu suất phân lớp bằng dữ liệu không gán nhãn | Quách Hải Thọ, Phạm Anh Phương |
| 44 | 87 | Một kỹ thuật mới cho việc ghép nối hành trình người di chuyển trong mạng camera giám sát | Nguyễn Văn Căn, Phạm Anh Tuấn |
| 45 | 16 | Một phương pháp giảm dữ liệu hiệu quả sử dụng SVD kết hợp trích rút đặc trưng Haar cho tra cứu ảnh dựa vào nội dung | Vũ Văn Hiệu, Nguyễn Hữu Quỳnh, Ngô Quốc Tạo |
| 46 | 94 | Một phương pháp liệt kê các cây con phổ biến trong khai phá đồ thị | Nguyễn Hiền Trinh, Đoàn Văn Ban, Vũ Vinh Quang |
| 47 | 132 | Một phương pháp phân lớp dữ liệu địa lý sử dụng cây quyết định | Trần Mạnh Trường, Đặng Văn Đức |
| 48 | 59 | Một phương pháp thích ứng miền cho dịch máy thống kê | Phạm Nghĩa Luân, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Quang Huy |
| 49 | 26 | Một phương pháp tiếp cận xử lý ngôn ngữ tự nhiên ứng dụng trong bài toán tổng hợp và trích rút thông tin kinh tế | Nguyễn Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Thu Hà, Trương Huy Hoàng, Đào Thanh Tĩnh |
| 50 | 115 | Một phương pháp tổng hợp ý kiến đánh giá trên tính năng sản phẩm của người tiêu dùng Việt Nam | Vũ Thị Nhạn, Nguyễn Việt Anh |
| 51 | 3 | Một số kết quả đạt được để tìm nghiệm bài toán cân bằng và là điểm bất động chung của nửa nhóm không gian Hilbert | Nguyễn Bường, Nguyễn Đình Dương |
| 52 | 125 | Một số phương pháp thủy văn số trên dữ liệu đa phương tiện | Nguyễn Ngọc Hưng |
| 53 | 43 | Một thuật toán hiệu quả đảm bảo nhất quán dữ liệu trong môi trường các bản sao phân tán trên mạng phủ p2p có cấu trúc | Nguyễn Hồng Minh, Nguyễn Xuân Huy, Lê Văn Sơn |
| 54 | 61 | Nâng cao chất lượng gom cụm kết quả tìm kiếm video sử dụng kết hợp đặc trưng âm thanh, đặc trưng thị giác và thông tin văn bản | Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Thị Anh Thư, Ngô Đức Thành, Nguyễn Hoàng Tú Anh |
| 55 | 123 | Nâng cao độ tin cậy cho máy chủ DNS Anycast với giải pháp dự phòng tích cực | Nguyễn Anh Chuyên, Lê Quang Minh |
| 56 | 32 | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến triển khai thành công giải pháp quản trị quan hệ khách hàng điện tử tại các ngân hàng Việt Nam | Nguyễn Văn Thủy |
| 57 | 44 | Nghiên cứu phương pháp gán nhãn vai nghĩa cho tiếng Việt | Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Quang Hiệp |
| 58 | 97 | Nghiên cứu quá trình tự chỉnh sửa các sai lệch về cấu trúc và từ vựng của ontology trong hệ thống đa tác nhân | Huỳnh Nhứt Phát, Hoàng Hữu Hạnh, Phan Công Vinh |
| 59 | 110 | NGHIÊN CỨU VỀ TẬP TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT SỬ DỤNG KỸ THUẬT PHÂN CỤM | Nguyễn Minh Hiệp, Nguyễn Thị Minh Huyền |
| 60 | 98 | NGŨ NGHĨA MỐI QUAN HỆ PHÂN XẠ TRONG MÔ HÌNH ER VÀ ỨNG DỤNG VÀO VIỆC CHUYỂN ĐỔI SANG OWL ONTOLOGY | Nguyễn Thị Nghĩa, Trần Thị Phương Chi, Hoàng Quang |

| STT | ID | Tên báo cáo | Tác giả |
|-----|-----|---|--|
| 61 | 112 | Nhận Dạng Cử Chỉ Từ Quỹ Đạo Chuyển Động Của Tay Sử Dụng Mô Hình Markov Ẩn | Dương Khắc Hường, Nguyễn Đăng Bình |
| 62 | 79 | Phân tích các giao thức bảo mật sử dụng tiếp cận các phương pháp hình thức | Trần Mạnh Đông, Nguyễn Trường Thắng, Nguyễn Văn Chiêu |
| 63 | 126 | Phân tích, đánh giá và dự báo một số tham số tài chính dựa trên mô hình tự hồi quy | Ngô Dung Nga |
| 64 | 109 | Phát hiện ảnh giả mạo tự động | Dương Thị Thúy Hoàng, Đặng Thành Trung |
| 65 | 103 | Phát hiện khuynh hướng đăng ký học phần dựa trên tiếp cận hàm ý thống kê | Phan Phương Lan, Phan Tấn Tài, Huỳnh Xuân Hiệp |
| 66 | 76 | Phát triển mô hình T-P-UDM phục vụ cho quản lý dữ liệu dân cư | Phạm Văn Đăng, Trần Vĩnh Phước, Phan Công Vinh |
| 67 | 60 | Phương pháp mới dựa trên vùng an toàn nâng cao hiệu quả phân lớp dữ liệu | Đào Thu Hiền, Khúc Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Hồng, Đặng Xuân Thọ |
| 68 | 31 | Portfolio optimization using forest optimization algorithm | Đỗ Vĩnh Trúc |
| 69 | 80 | Regularization Newton-Kantorovich iterative method for nonlinear monotone ill-posed equations in Banach spaces | Nguyen Buong, Nguyen Duong Nguyen |
| 70 | 21 | Saliency Guided Interpolation for Super-Resolution | Dao Nam Anh, Nguyen Huu Quynh, Nguyen Hong Son |
| 71 | 69 | SDN và ứng dụng triển khai cho các mạng đang hoạt động | Trần Đức Thắng, Lý Thành Trung, Nguyễn Hoàng Trung, Bùi Anh Tuấn, Nguyễn Thế Vinh, Hoàng Đức Thắng |
| 72 | 131 | So sánh một số kỹ thuật nén XML | Đặng Thị Hoàng Anh, Nguyễn Văn Sơn, Võ Đình Hiếu |
| 73 | 74 | SỬ DỤNG MÔ HÌNH RA QUYẾT ĐỊNH XÁC SUẤT ĐỂ GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT TRONG BÀI TOÁN THƯƠNG LƯỢNG TỰ ĐỘNG TRÊN HỆ ĐA TÁC TỬ | Bùi Quang Khải and Bùi Đức Dương |
| 74 | 113 | Suy diễn siêu dữ liệu và hiện thực hóa tài liệu kết hợp trong một thư viện số | Lý Anh Tuấn, Trần Thị Minh Hoàn |
| 75 | 64 | Tái tạo mô hình thực thể 3D từ tập ảnh xoay vòng | Lê Văn Khanh, Nguyễn Tấn Khôi |
| 76 | 99 | Tăng cường mức độ ổn định của thủy văn dựa trên mô hình ảnh đa tầng và các điểm đặc trưng ảnh | Phan Đăng Khuyên, Nguyễn Phi Bằng, Đặng Thành Trung |
| 77 | 133 | Thiết kế nút cảm biến đa kênh đáp ứng kiến trúc ảo hóa của mạng cảm biến không dây | Lê Thành Nam, Vũ Duy Lợi |
| 78 | 39 | Thuật toán hiệu quả khai thác Top-Rank – K tập phổ biến trọng số hữu ích | Nguyễn Duy Hàm, Võ Đình Bảy, Nguyễn Thị Hồng Minh |
| 79 | 62 | Tối ưu hóa truy vấn trong cơ sở dữ liệu hướng đối tượng phân tán | Mai Thúy Nga, Đoàn Văn Ban, Nguyễn Mạnh Hùng |
| 80 | 102 | Truy vấn ảnh sử dụng Chữ ký nhị phân của Ảnh phân đoạn | Văn Thế Thành, Lê Mạnh Thạnh |

| STT | ID | Tên báo cáo | Tác giả |
|-----|-----|---|---|
| 81 | 38 | Truy vấn hướng đối tượng dựa trên phân cấp tập tin chữ ký và cây chữ ký | Trần Minh Bảo, Trương Công Tuấn |
| 82 | 107 | TTTEST: The Tool Support for Testing Interactive Multimodal Application | Le Thanh Long, Nguyen Thanh Binh, Ioannis Parissis |
| 83 | 81 | Ứng dụng thuật toán Delaunay và RQT vào bài toán quy hoạch mạng di động | Lê Mạnh, Nguyễn Thanh Bình |
| 84 | 130 | Về các điều kiện hội tụ của thuật toán LMS trong mô hình học nhiều thích nghi | Phạm Trần Nhu, Hoàng Mạnh Hà |
| 85 | 89 | Về một phương pháp cải tiến thuật toán Random Forest | Nguyễn Anh Thơ, Nguyễn Long Giang, Nguyễn Như Sơn |
| 86 | 88 | Về một phương pháp rút gọn thuộc tính trong bảng quyết định có miền giá trị liên tục theo tiếp cận tập thô mờ | Nguyễn Long Giang, Nguyễn Văn Thiện, Cao Chính Nghĩa |
| 87 | 6 | Ví dụ số cho phương pháp hiệu chỉnh nửa nhóm không giao | Phạm Thanh Hiếu, Nguyễn Thị Thu Thủy |
| 88 | 100 | Viết lại truy vấn SPJ để sử dụng khung nhìn thực trong PostgreSQL | Nguyễn Trần Quốc Vinh |
| 89 | 48 | Xác định cụm từ song ngữ cho dịch máy thống kê Anh – Việt | Lê Quang Hùng, Lê Anh Cường, Trần Thiên Thành, Phạm Văn Việt, Nguyễn Thị Loan |
| 90 | 119 | Xây dựng bộ luật phân lớp đồ thị dựa trên phương pháp Confidence-rated Boosting có sử dụng quan hệ thứ tự trên đàn của đồ thị | Nguyễn Việt Anh |
| 91 | 28 | Xây dựng hệ thống testbed về mạng không dây phục vụ việc đánh giá một số tham số hiệu năng mạng | Ngô Hải Anh, Phạm Thanh Giang |
| 92 | 111 | Xây dựng hệ thống tư vấn sản phẩm dựa trên tương tác người dùng | Vương Quang Phương, Hoàng Đỗ Thanh Tùng |
| 93 | 53 | Xây dựng ontology về chăm sóc sức khỏe từ dữ liệu web | Phạm Thị Thu Thủy, Trương Minh Hiếu |
| 94 | 129 | Xây dựng topo của mạng cảm biến không dây với các hố trong môi trường 3D | Đặng Thanh Hải, Lê Trọng Vĩnh and Trịnh Thị Thúy Giang |